

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 396/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1971, (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn X, sinh năm: 1963, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp A, xã B, huyện G1, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn X chung sống với nhau từ năm 1986, hôn nhân giữa ông bà tự nguyện không ai ép buộc. Gia đình hai bên không có tổ chức lễ cưới nhưng có làm lễ phạt, đến tháng 3-2018 thì ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B.

Qua trình chung sống ông X thường xuyên uống rượu, đánh bà và đập phá nhà cửa. Đến tháng 12-2017 (AL), ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông X không tin tưởng bà về chuyện tình cảm, thường xuyên uống rượu, chửi mắng, xúc phạm và đuổi bà đi. Ông X còn xách dao vô phòng đòi cắt tay chân bà, nhưng do bà đang giữ cháu nên cũng nằm im không dám lên

tiếng hay bỏ chạy. Tháng 02-2018, ông X đuổi bà đi nên bà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, ông X có sang nhà đòi uống thuốc rầy tự giận nên bà đồng ý trở về nhà. Tháng 3-2018, bà nộp đơn xin ly hôn. Sau đó, ông X năn nỉ nên tháng 4-2018, bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Nhưng ông X không thay đổi, vẫn chửi mắng và xúc phạm bà. Thời gian gần nhất là vào đêm ngày 09 và 10-6-2018, ông X dùng dao đâm dọa bà nên ngày 11-6-2018 bà sang nhà con gái để ở. Ông bà không sống ly thân nhưng bà không còn quan tâm, nói chuyện với ông X. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông X.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Trần Thị V, sinh năm 1988 và Trần Thanh T1, sinh năm 1990. Hiện 02 con đã thành niên có khả năng lao động và tự sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2017, ông bà có vay Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện G1 số tiền 40.000.000 đồng để làm vốn làm ăn. Nhưng bà đã trả xong nên ông bà không còn nợ ai và cũng không có ai nợ lại nên không yêu cầu giải quyết. Và bà cũng không yêu cầu ông X thanh toán lại cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2018 và qua hòa giải, bị đơn ông Trần Văn X trình bày:

Về hôn nhân: Ông cho rằng ông bà chung sống không có phát sinh mâu thuẫn gì, mỗi ngày ông đều có uống rượu nhưng uống từ 01 đến 02 ly rượu rồi đi làm, ít khi uống say. Tiền kiếm được bao nhiêu ông đều đưa hết cho bà G, khi nào cần thì ông xin lại vợ con. Ông cũng không bao giờ chửi mắng, đánh đập vợ con. Vào tháng 02-2018, sau khi ông đi làm về thì nghe con nói lại là bà G bỏ về nhà cha mẹ vợ ở nên ông có sang nhà cha mẹ vợ tay cầm chai thuốc rầy dọa là sẽ uống để tự tử để bà G về nhà đoàn tụ cùng ông. Có lần bà G đòi đi Đài Loan nhưng ông không cho nên bà G mới xin ly hôn với ông. Ông bà vẫn sống chung nhà, không sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông xin được đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như bà G trình bày là đúng. Hiện 02 người con đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng là bà G và ông X đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G; về con chung: ông bà không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà G và ông X chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà G yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do ông X thường xuyên uống rượu, chửi mắng, nhiều lần đe dọa dùng vũ lực đối với bà. Nghiêm trọng nhất là vào ngày ngày 09 và 10-6-2018 ông X còn dùng dao đe dọa bà G. Bà G đã bỏ nhà đi từ ngày 11-6-2018 và ông bà cũng sống ly thân cho đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Còn ông X thì cho rằng ông bà không có phát sinh mâu thuẫn, ông thừa nhận mỗi ngày đều có uống rượu nhưng không chửi mắng và đánh bà G. Tháng 3-2018, bà G khởi kiện xin ly hôn với ông X, sau đó bà rút đơn để cho ông X cơ hội thay đổi nhưng bà G và ông X không đoàn tụ được. Từ sau ngày 09-6-2018, Tòa án đã triệu tập ông X nhiều lần để thu thập chứng cứ và tham gia hòa giải cũng như xét xử nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông X không có thiện chí đoàn tụ.

[3] Qua thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Thanh M là chòm xóm, láng giềng với bà G và ông X thể hiện ông X thường xuyên uống rượu. Ngoài ra, tại biên bản xác minh người làm chứng (tại bút lục số 26, 27) cũng thể hiện ông X thường xuyên chửi mắng và nhiều lần đe dọa dùng bạo lực đối với bà G, gây ra tâm lý hoảng sợ cho bà G khi phải sống chung với ông X. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà G và ông X lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là Trần Thị V, sinh năm 1988 và Trần Thanh T1, sinh năm 1990. Xét thấy hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông bà thừa nhận có nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện G1 số tiền 40.000.000 đồng. Nhưng bà G đã trả xong và bà G cũng không yêu cầu ông X thanh toán lại số tiền đã trả nên ông bà không còn nợ ai và cũng

không có ai nợ lại. Và bà G cũng không yêu cầu ông X thanh toán lại số tiền đã trả nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà G phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (Khóa XIII) quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội (Khóa XIII) quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị G đối với ông Trần Văn X. Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Trần Văn X.

2. Về con chung: Trần Thị V, sinh năm 1988 và Trần Thanh T1, sinh năm 1990. Hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà G phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà G đã nộp theo biên lai thu số 0013531 ngày 21-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Bà G đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG